TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2025
"V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn, nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trương Thanh Tuấn
Bà Nguyễn Hồng Cúc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2025/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 04 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị D - sinh năm: 1983. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Anh Võ Trường S - sinh năm: 1979. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị D và anh Võ Trường S tự tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2008. Từ lúc cưới cho đến nay, vợ chồng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý nên đã ly thân từ đầu tháng 2015 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: có 01 con chung tên Võ Quốc H - sinh ngày: 16/5/2008. Chị D đồng ý tiếp tục giao cháu H cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, triệu tập tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh S không trình bày ý kiến, không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh Võ Trường S, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện G nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, anh S đã được Tòa án cấp, tống đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, chị D co đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị D và anh Võ Trường S cưới nhau vào năm 2008, đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị D có yêu cầu xin ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Võ Trường S là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Theo chị D trình bày và giấy khai sinh, có cơ sở xác định chị D và anh S có 01 con chung tên Võ Quốc H - sinh ngày: 16/5/2008. Chị D đồng ý giao con cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi con.

Hiện cháu H đang chung sống với anh S, cháu H đã trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với anh S.

Xét ý kiến của chị D tiếp tục giao cháu H cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh S không trình bày ý kiến phản đối và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

Chị D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị D phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009246 ngày 19/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Võ Trường S là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Quốc H - sinh ngày: 16/5/2008 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị D phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009246 ngày 19/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An